

Bản án số: 560/2019/HSPT
Ngày 20/9/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI
Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Hồng Phúc;
- Các Thẩm phán: + Ông Bùi Xuân Trọng;
+ Ông Nguyễn Tất Nam.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Nga, Thư ký của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Minh Thành, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 20 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự Thụ lý số 545/2019/TLPTH ngày 16 tháng 7 năm 2019 do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 180/2019/HSST ngày 10/6/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Hoàng Xuân T; sinh ngày 16 tháng 5 năm 1995; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn 10A, xã HX, thành phố MC, tỉnh Quảng Ninh; chỗ ở trước khi bị bắt tại Phòng 19.06A, C cư SCREC, đường TS, Phường 12, Quận 3, Thành Phố Hồ Chí Minh; trình độ văn hóa phổ thông: 9/12; nghề nghiệp: lao động tự do; con ông Hoàng Xuân A, con bà Nguyễn Thị H; gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ nhất; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 15/11/2017, có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Hoàng V; sinh ngày 21 tháng 10 năm 1988; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại Số 17, ngõ LS B, phường VC, quận DD, thành phố Hà Nội; chỗ ở trước khi bị bắt tại Số 7/16, hẻm 43, ngách 32/76, phố AD, phường YP, quận TH, thành phố Hà Nội; trình độ văn hóa phổ thông: 9/12; nghề nghiệp: lao động tự do; con ông Nguyễn Phi H, con bà Nguyễn Thị Minh N; bị cáo chưa có vợ, con; gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 15/11/2017, có mặt tại phiên tòa.

3. Bùi Anh H; sinh ngày 08 tháng 9 năm 1988; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại Số 20, ngách 26, ngõ L C, phường VC, quận DD, thành phố Hà Nội; trình độ văn hóa phổ thông: 9/12, nghề nghiệp: lao động tự do; con ông Bùi

Văn B, con bà Lý Thị Th; vợ là Nguyễn Linh Tr; có 02 con, con lớn sinh năm 2017, con nhỏ 03 tháng tuổi; gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất; tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân: Ngày 18/7/2014, Công an quận DD, thành phố Hà Nội xử phạt hành chính Bùi Anh H về hành vi “Đánh bạc”.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 15/11/2017 đến ngày 21/11/2017. Hiện bị áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho các bị cáo:

Ông Nguyễn Quang T là Luật sư của Văn phòng Luật sư ĐS và Cộng sự thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội, bào chữa bảo vệ quyền lợi cho các bị cáo Hoàng Xuân T và bị cáo Nguyễn Hoàng V, có mặt tại phiên tòa.

TÓM TẮT NỘI DUNG VỤ ÁN

Khoảng 17h10' ngày 14/11/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra (C47) Bộ Công an phối hợp với lực lượng chức năng làm nhiệm vụ tại Ngõ 9 phố HC, quận DD, thành phố Hà Nội phát hiện Nguyễn Hoàng V vào Bưu cục chuyển phát nhanh DD (số 9 HC) nhận và mang 01 thùng hàng ra ngoài ở khu vực trước cửa Bưu cục, có biểu hiện vận chuyển ma túy. Tổ công tác tiếp cận kiểm tra thì V vứt thùng hàng bỏ chạy, nhảy lên xe máy do Bùi Anh H đứng chờ sẵn ở ven đường, sau đó H điều khiển xe máy chở V bỏ trốn. Tổ công tác đã mời ông Phạm Tấn H là Trưởng bưu cục DD, đại diện Công an phường Ô Chợ Dừa, quận DD và những người chứng kiến sự việc cùng đưa thùng hàng do V vứt lại vào trong Bưu cục và tiến hành kiểm tra. Kết quả kiểm tra xác định: Tên người gửi thùng hàng là Linda, ở địa chỉ Geldersekade 118, 1012BN Amsterdam Netherlands, người nhận là Nguyễn Hoàng V, số điện thoại 01668539581, ở địa chỉ số 03, ngách 35, ngõ Văn Hương, phố Tôn Đức Thắng, phường Hàng Bột, quận DD, thành phố Hà Nội; mở thùng hàng bên trong có 05 Ti nilon màu đen, 04 Ti nilon màu đỏ. Trên bề mặt các Ti có ghi chữ TRESORO FORTE để lẫn với một số gói bánh Socola. Tổ công tác đã tiến hành đánh số thứ tự đối với 05 Ti màu đen và 04 Ti màu đỏ theo thứ tự từ M1 đến M9. Kiểm tra thực tế các Ti phát hiện bên trong có các viên nén màu xanh, hình trụ tam giác đều có kích thước khoảng 0,7cm x 0,5cm, trên bề mặt các viên nén có dập chìm lô gô hình quả táo, hình dạng bề ngoài tương đối giống nhau. Tổ công tác đã lập Biên bản sự việc để làm căn cứ giải quyết vụ án.

Khoảng 23h00' ngày 14/11/2017, Cơ quan CSĐT (C47) Bộ Công an đã bắt giữ Nguyễn Hoàng V và Bùi Anh H khi 2 đối tượng chạy trốn đến khu vực Trạm thu phí Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình. Quá trình bắt giữ, Cơ quan CSĐT

(C47) Bộ Công an còn thu giữ của Nguyễn Hoàng V và Bùi Anh H một số đồ vật, tài liệu khác.

Hồi 09h30' ngày 15/11/2017, Cơ quan CSĐT (C47) Bộ Công an đã tiến hành bắt giữ Hoàng Xuân T. Tiến hành khám xét căn hộ số 1906A, C cư SCREC, đường Trường Sa, Phường 12, Quận 3, Thành Phố Hồ Chí Minh là nơi Hoàng Xuân T đang ở, Cơ quan điều tra phát hiện và thu giữ một số chất nghi là ma túy, cụ thể:

- Thu giữ tại phòng khách: 03 hũ thủy tinh chứa chất lỏng màu nâu đựng trong Ti nilon màu đỏ, được để trong ngăn kéo bên phải tủ để Tivi đã được niêm phong;

- Thu giữ tại phòng ngủ 1: 01 hộp nhựa trong nhãn Lock & Lock bên trong chứa chất bột màu nâu phát hiện trên nóc tủ quần áo; 01 Ti nilon trong suốt chứa chất sệt màu nâu đựng trong một bát bằng nhựa, phát hiện trong Vali màu xanh da trời;

- Thu giữ tại phòng ngủ 2: 01 hũ thủy tinh chứa chất lỏng màu nâu phát hiện trên kệ treo tường; 02 bát thủy tinh chứa chất lỏng màu nâu vàng phát hiện trong tủ quần áo; 01 hũ nhựa nắp màu vàng, bên trong có chứa tinh thể màu nâu đục được phát hiện trong ngăn kéo cửa bàn phòng khách; 01 cân điện tử màu xanh hiệu Mild Seven phát hiện trong ngăn kéo bàn phòng khách; 03 điện thoại di động hiệu Nokia có số Model lần lượt là TA 1034 (kèm 01 sim), Nokia 1280 (kèm 01 sim) và RM 1133 (không kèm sim).

Cơ quan điều tra đã lập biên bản thu giữ, niêm phong số vật chứng nêu trên và một số đồ vật, tài liệu khác (Có biên bản thu giữ kèm theo).

Ngày 15/11/2017, Cơ quan CSĐT (C47) Bộ Công an, Viện Khoa học hình sự (C54) Bộ Công an và Viện KSND tối cao (Vụ 4) đã tiến hành mở niêm phong, xác định trọng lượng, lấy mẫu giám định ma túy đối với tang vật thu giữ của Nguyễn Hoàng V; ngày 04/12/2017 tiến hành mở niêm phong, xác định trọng lượng, lấy mẫu giám định ma túy đối với tang vật thu giữ của Hoàng Xuân T để trưng cầu giám định.

Tại Bản kết luận giám định số 5768/C54(TT2) ngày 19/12/2017 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an kết luận: “Các viên nén trong các mẫu M1, M2, M3, M4, M5, M6, M7, M8 và M9 gửi giám định là ma túy, loại MDMA và MDA, trọng lượng (khối lượng) trung bình của 01 viên nén là 0,294 gam, tổng trọng lượng các viên nén trong 09 mẫu là 7.856,1 gam”.

Tại Bản kết luận giám định số 6130/C54(TT2) ngày 02/01/2018 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an kết luận:

- Mẫu chất lỏng màu nâu trong 03 (ba) hũ thủy tinh kí hiệu số 1 gửi giám định đều là ma túy, có tổng trọng lượng 140,88 gam, loại: Cần sa.

- Mẫu chất bột màu nâu kí hiệu số 02 gửi giám định là ma túy; có trọng lượng 449,28 gam; loại: Cần sa.

- Mẫu chất dạng sệt màu nâu kí hiệu số 03 gửi giám định là ma túy; có trọng lượng 17,58 gam; loại: Cần sa.

- Mẫu chất lỏng màu nâu kí hiệu số 04 gửi giám định là ma túy; có trọng lượng 72,10 gam; loại: Cần sa.

- Mẫu chất lỏng màu vàng bám, dính trong 02 (hai) bát thủy tinh kí hiệu số 05 gửi giám định là ma túy; loại Cần sa (không xác định được trọng lượng do lượng mẫu bám dính ít).

- Mẫu tinh thể màu nâu đục trong hũ nhựa có nắp màu vàng và trong 02 (hai) Ti ni lon đựng trong hũ nhựa có nắp màu vàng kí hiệu số 06 gửi giám định đều là ma túy; có tổng trọng lượng 9,03 gam, loại: MDMA.

Cần sa nằm trong danh mục I, STT08 ; MDMA là chất ma túy nằm trong danh mục I, STT 22, Nghị Định 82/2013 của Chính phủ”. Tổng trọng lượng (khối lượng) các chất ma túy nêu trên (140,88g + 449,28g + 17,58g + 72,10g) là 679,84 gam Cần sa và 9,03 gam MDMA.

Quá trình điều tra, các bị cáo khai nhận:

1. Nguyễn Hoàng V thừa nhận: Vào khoảng đầu tháng 9/2017, V quen với một người phụ nữ trên mạng xã hội có nick name là Trang Đoàn, Trang giới thiệu mình là V kiều ở Canada, người này đề nghị V nhận hàng gửi từ nước ngoài về. Sau đó, Trang Đoàn gửi cho V số điện thoại liên hệ với một người tên là T ở Thành Phố Hồ Chí Minh. Khi gặp nhau, T nói cho V biết hàng ở nước ngoài gửi về là ma túy tổng hợp (dạng kẹo), T sẽ trả công vận chuyển cho V 20 triệu đồng/chuyến, T yêu cầu V cho địa chỉ để chuyển hàng về, V đồng ý và được T đưa cho 01 sim và 01 chiếc điện thoại để liên lạc. V gửi cho Trang địa chỉ của V thuê trọ ở số 87/21/10 đường số 04, Cư xá Đô Thành, Phường 4, Quận 3, Thành Phố Hồ Chí Minh. Đến khoảng cuối tháng 9/2017, V nhận được điện thoại ở Bureau báo có hàng ở nước ngoài gửi về, đề nghị đến Bureau Quận 10 để nhận hàng. Sau khi nhận được thùng hàng có chứa ma túy, V báo T ra nhận. Theo sự chỉ đạo của T, V chở thùng hàng đến một quán café ở khu vực quận 3, Thành Phố Hồ Chí Minh và để xe ở sân sau quán café, sau đó T cho người đến lấy thùng hàng. Khoảng một tuần sau, T mang 20 triệu đồng đến khu vực đường Nguyễn Trãi, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh trả công cho V, sau đó V ra Hà Nội.

Khoảng đầu tháng 11/2017, T liên hệ với V nói V tiếp tục nhận hàng, đồng thời T yêu cầu V cung cấp địa chỉ của V ở Hà Nội, V đã cung cấp cho T địa chỉ nhà bà ngoại của V ở Hà Nội là số 03, ngách 35, ngõ Văn Hương, phường Hàng Bột, quận DD, thành phố Hà Nội để gửi hàng từ nước ngoài về.

Khoảng 16h00' ngày 14/11/2017, Bưu cục chuyển phát nhanh DD, thành phố Hà Nội liên hệ với V đến nhận hàng gửi. V đến nhà bạn là Bùi Anh H ở ngõ Lương Sứ C, phường Văn Chương, quận DD, Hà Nội nhờ H điều khiển xe máy chở V đi nhận hàng tại Bưu cục phát, địa chỉ số 9, ngõ 9, phố HC, quận DD, thành phố Hà Nội. Sau khi làm thủ tục nhận hàng, V vận chuyển thùng hàng này ra ngoài khu vực Bưu cục thì bị cơ quan chức năng kiểm tra, V đã vứt bỏ thùng hàng và lên xe máy do Bùi Anh H đứng chờ sẵn ở ven đường, H điều khiển xe máy chở V bỏ chạy. Trên đường chạy trốn, H có hỏi V về kiện hàng V đi nhận có phải là ma túy không nhưng V không nói gì; H còn động viên V ra trình diện cơ quan Công an nhưng V không đồng ý. V hỏi H có chỗ nào để trốn không thì H nói có một người bạn trên Hòa Bình, sau đó H chở V bằng xe máy lên Hòa Bình. Khoảng 23h00' ngày 14/11/2017, khi V và H đang chạy trốn lên khu vực huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình thì bị Cơ quan CSĐT (C47) Bộ Công an bắt giữ. Ngoài ra, V còn khai nhận khi đi nhận hàng từ nước ngoài gửi về, V biết là nhận ma túy tổng hợp, số lượng cụ thể thì V không biết. Khi V nhờ H chở đi lấy hàng ở Bưu cục phát ở phố HC, V không nói cho H biết là đi vận chuyển ma túy, không hứa hẹn trả công gì cho H.

2. Bùi Anh H khai nhận: Vào khoảng 17h00' ngày 14/11/2017, H được Nguyễn Hoàng V nhờ đưa đến bưu điện để nhận hàng. H điều khiển xe máy nhãn hiệu Honda, BKS: 29E2 - 021.54 chở V đến Bưu cục phát, địa chỉ tại Số 9, Ngõ 9, phố HC, quận DD, thành phố Hà Nội. Đến nơi, V vào Bưu cục làm thủ tục nhận hàng còn H đứng ngoài chờ. Sau khi lấy bưu kiện ra ngoài, V đang bước đến xe máy của H thì có người đuổi theo, H chở V bỏ chạy, ngay sau đó H đã nghi ngờ và nhiều lần hỏi V có phải hàng V đi nhận là ma túy không nhưng V ậm ừ không nói, H đoán V đi nhận ma túy và đang bị công an truy bắt, biết việc chở V đi trốn là vi phạm pháp luật nhưng là bạn bè với nhau nên H vẫn giúp V.

3. Hoàng Xuân T thừa nhận: Vào khoảng tháng 6/2017, T từ thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh vào ở tại Phòng 1906A, C cư SCREC, đường Trường Sa, Phường 12, Quận 3, Thành Phố Hồ Chí Minh cùng với cậu là Chu Bá C (V kiều Canada). Quá trình ở đây, T được C dẫn sang Campuchia gặp bạn và bàn bạc việc đi vận chuyển ma túy. Sau đó, theo chỉ đạo của C, T nhiều lần tự sang Campuchia gặp bạn của C để lấy mẫu ma túy (thuốc lắc) và mang về Thành Phố Hồ Chí Minh cho C, mỗi lần khoảng 10-20 viên ma túy nhiều mẫu khác nhau, sau đó C yêu cầu T giao cho bạn của C. Trong thời gian ở Thành Phố Hồ Chí Minh đến khi bị bắt, T đã tham gia vận chuyển ma túy cho Chu Bá C 02 lần, cụ thể như sau:

Lần 1: Khoảng cuối tháng 9/2017, C thỏa thuận với T việc đi nhận ma túy, C sẽ trả 50 triệu đồng/chuyến. Theo chỉ đạo của C, T liên hệ và hẹn gặp

Nguyễn Hoàng V đề bàn việc vận chuyển ma túy, khi đi T rủ Đặng Hữu Đức (cậu của T) cùng đi nhưng không nói cho Đức biết mục đích đi gặp V. Đến quán café ở Cao Thắng, Quận 3, Thành Phố Hồ Chí Minh, T và V bàn bạc việc đi vận chuyển ma túy, còn Đức ngồi ở bàn bên cạnh. Sau đó, T lấy địa chỉ của V ở Cư xá Đô Thành, Quận 3, Thành Phố Hồ Chí Minh và gửi cho C. Vài ngày sau, V nhận 01 kiện hàng gửi từ nước ngoài về rồi đem đến quán café ở số 1 Cao Thắng và gọi T ra nhận, T rủ Đức đi cùng nhận hàng. Về đến chỗ ở, T và Đức mang kiện hàng vào phòng ngủ mở ra xem thì thấy bên trong có 08-09 gói (loại đựng café 1kg/Ti) đựng các viên thuốc lắc. Khi mở thùng hàng thì T và Đức thấy một số viên màu xanh rơi ra ngoài nên T biết là thuốc lắc, nhưng T không biết số lượng ma túy cụ thể là bao nhiêu. Khi nhìn thấy các viên ma túy rơi ra, Đức hỏi T đó là gì nhưng T chỉ nói là hàng từ nước ngoài gửi về, không nói cho Đức biết là ma túy. T cho các viên này vào trong Ti rồi cất các gói ma túy vào ba lô và một mình mang đi giao cho khách của C ở đường Cách Mạng Tháng 8 theo chỉ đạo của C. Cuối tháng 9/2017, C từ Canada về V Nam đưa cho T 50 triệu đồng, T hẹn V ra đường Nguyễn Trãi, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh đưa cho V 20 triệu đồng, còn T hưởng 30 triệu đồng.

Lần 2: Vào khoảng cuối tháng 10/2017, C gọi điện cho T nói liên hệ với V chuẩn bị đi nhận ma túy. T gọi cho V và lấy địa chỉ của V ở phố Hàng Bột, quận DD, thành phố Hà Nội để C gửi hàng về. Đến ngày 14/11/2017, V đi nhận hàng từ nước ngoài gửi về Hà Nội tại Bưu cục chuyển phát nhanh số 9 HC, quận DD, thành phố Hà Nội thì bị Công an bắt giữ. Ngày 15/11/2017, T bị cơ quan Công an bắt tại Thành Phố Hồ Chí Minh.

Ngoài ra, T còn khai trong quá trình ở tại C cư SCREC, Chu Bá C đã mang một số lượng ma túy tổng hợp và cần sa về C cư để sử dụng và cho bạn bè. C dặn T đem cất giữ số ma túy cần sa này nên T cất vào mỗi phòng của C cư một ít và sau này bị cơ quan điều tra thu giữ. Hoàng Thị Hải Yến và Đặng Hữu Đức là em gái và cậu của T cũng vào Thành Phố Hồ Chí Minh ở cùng T để tìm việc làm và sinh sống tại C cư SCREC nhưng Yến và Đức không biết việc T đi vận chuyển ma túy và cất giữ Cần sa trong nhà.

Cơ quan điều tra xác định quá trình thực hiện hành vi phạm tội, Hoàng Xuân T sử dụng số điện thoại 01694104591 để liên lạc với Nguyễn Hoàng V qua số 0938337198. Kiểm tra điện thoại của T có tin nhắn từ điện thoại số 0938337198 nội dung: “số 3 ngách 35, ngõ Văn Hương, phố Tôn Đức Thắng, phường Hàng bột, quận DD, Hà Nội. Cmand: 001088006663. Nguyễn Hoàng V. Oke” là địa chỉ gửi hàng về cho V nhận.

Thống kê các cuộc gọi từ 02 số điện thoại nêu trên của T và V cho thấy: Từ ngày 16/10/2017 đến 18h 28 phút ngày 14/11/2017, T gọi cho V 33 cuộc,

riêng ngày 14/11/2017 T gọi cho V 09 cuộc. Từ ngày 05/10/2017 đến 19 giờ 14 phút ngày 14/11/2017, V gọi cho T 03 cuộc. Khi bị công an truy bắt và bỏ chạy, V đã gọi điện báo cho T biết công việc đồ bể và rút sim điện thoại.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 180/2019/HSST ngày 10/6/2019, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã tuyên bố: Bị cáo Hoàng Xuân T phạm tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy” và tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Bị cáo Nguyễn Hoàng V phạm tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy”. Bị cáo Bùi Anh H phạm tội “Che giấu tội phạm”.

1. Áp dụng điểm h khoản 4 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999 và điểm n khoản 2 Điều 249, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 40, Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015; xử phạt: **Hoàng Xuân T Tử hình** về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy” và **06 (sáu) năm tù** về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Hình phạt C cho hai tội: **Tử hình**. Tiếp tục giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

2. Áp dụng điểm h khoản 4 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 40 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt: Nguyễn Hoàng V **Tử hình**. Tiếp tục giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

3. Áp dụng khoản 1 Điều 313 Bộ luật Hình sự năm 1999, điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt: **Bùi Anh H 24 (hai mươi bốn) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án. Được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 15/11/2017 đến ngày 21/11/2017.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền được kháng cáo của các bị cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 13/6/2019, bị cáo Hoàng Xuân T và Nguyễn Hoàng V kháng cáo; ngày 17/6/2019, bị cáo Bùi Anh H kháng cáo. Nội dung đơn kháng cáo của các bị cáo đều xin Tòa án cấp phúc thẩm xem xét cho các bị cáo được giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, ý kiến tranh luận của các bị cáo, Luật sư và những người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

[1] Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm cũng như phiên tòa phúc thẩm, lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai ban đầu tại cơ quan điều tra, biên bản phạm tội quả tang, lời khai của người làm chứng, biên bản khám xét và tạm giữ tang vật, kết luận giám định, số lượng ma túy đã thu giữ của các bị cáo và các tài liệu khác đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm có đủ căn cứ kết luận:

Khoảng 17giờ10' ngày 14/11/2017, tại khu vực Bưu cục phát, địa chỉ tại Ngõ 9, phố HC, quận DD, thành phố Hà Nội, Nguyễn Hoàng V theo sự chỉ đạo của Hoàng Xuân T đã thực hiện hành vi vận chuyển trái phép 7.856,1 gam ma túy thể rắn loại MDMA và MDA gửi từ nước ngoài về và bị cơ quan chức năng phát hiện bắt giữ; riêng Bùi Anh H đã thực hiện hành vi điều khiển xe máy đưa Nguyễn Hoàng V bỏ trốn, khi đi đến khu vực địa phận huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình thì bị bắt giữ.

Ngoài ra, Hoàng Xuân T còn có hành vi tàng trữ trái phép 679,84 gam Cần sa và 9,03 gam ma túy thể rắn MDMA cất giữ tại phòng 1906A, C cư SCREC, đường Trường Sa, Phường 12, Quận 3, Thành Phố Hồ Chí Minh.

Hành vi nêu trên của các bị cáo bị cấp sơ thẩm truy tố và xét xử đối với bị cáo Hoàng Xuân T về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy” và tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm h khoản 4 Điều 194 của Bộ luật hình sự năm 1999 và điểm n khoản 2 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015; bị cáo Nguyễn Hoàng V về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm h khoản 4 Điều 194 của Bộ luật hình sự năm 1999 và bị cáo Bùi Anh H về tội “Che giấu tội phạm” theo quy định tại khoản 1 Điều 313 của Bộ luật hình sự năm 1999 là hoàn toàn có căn cứ.

Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo đều đã thừa nhận phạm tội và chỉ kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét cho các bị cáo được giảm nhẹ hình phạt so với mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định.

[2] Xét kháng cáo đề nghị xin được giảm hình phạt của các bị cáo, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Xuất phát từ động cơ vụ lợi, muốn có tiền tiêu sài, các bị cáo Hoàng Xuân T và Nguyễn Hoàng V đã vận chuyển với khối lượng 7.856,1gam ma túy loại MDMA và MDA giúp cho các đối tượng khác tiêu thụ. Đây là khối lượng ma túy đặc biệt lớn nên các bị cáo đều bị áp dụng ở khung hình phạt cao nhất của các tội mà các bị cáo bị truy tố và xét xử, có mức hình phạt tới Tử hình. Quá trình xét xử, Tòa án cấp sơ thẩm đã có sự phân hóa vai trò của các bị cáo, theo đó xác định, bị cáo Hoàng Xuân T là người chỉ đạo bị cáo Nguyễn Hoàng V để V thực hiện hành vi vận chuyển trái phép chất ma túy. Ngoài ra, bị cáo Hoàng Xuân T còn chịu độc lập về hành vi tàng trữ trái phép 679,84 gam Cần sa và 9,03 gam ma túy thể rắn MDMA, cho nên cấp sơ thẩm xác định Hoàng Xuân T giữ vai trò cao hơn so với Nguyễn Hoàng V là có căn cứ.

Khi xem xét quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá các bị cáo Hoàng Xuân T và Nguyễn Hoàng V đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; gia đình các bị cáo có công với cách mạng nên các bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2

Điều 51 của Bộ luật hình sự 2015. Hội đồng xét xử phúc thẩm cũng đồng tình như Tòa án cấp sơ thẩm khi cho rằng, tuy các bị cáo không có tình tiết tăng nặng, có một số tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, song số lượng ma túy mà các bị cáo đã tham gia vận chuyển là đặc biệt lớn, vì vậy việc áp dụng hình phạt Tử hình đối với các bị cáo Hoàng Xuân T và Nguyễn Hoàng V là hoàn toàn thỏa đáng và phù hợp.

[3] Đối với bị cáo Bùi Anh H, khi áp dụng hình phạt Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm cũng đã xem xét bị cáo khai báo thành khẩn, hoàn cảnh gia đình khó khăn, con còn nhỏ, bị cáo là lao động chính trong gia đình, ông ngoại bị cáo được thưởng Huân chương chiến thắng hạng Ba, nên Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo qui định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự 2015 để giảm hình phạt cho bị cáo một phần hình phạt, theo đó chỉ phạt bị cáo 24 tháng tù là phù hợp. Tại phiên tòa phúc thẩm không thấy bị cáo có thêm tình tiết giảm nhẹ nào đáng kể, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí phúc thẩm: Các bị cáo có đơn kháng cáo nhưng không được Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận cho nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355 của Bộ luật tố tụng hình sự;

QUYẾT ĐỊNH:

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm;

Tuyên bố: (1) Bị cáo Hoàng Xuân T phạm tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy” và tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; (2) Bị cáo Nguyễn Hoàng V phạm tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy”; (3) Bị cáo Bùi Anh H phạm tội “Che giấu tội phạm”.

1. Áp dụng điểm h khoản 4 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999 và điểm n khoản 2 Điều 249, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 40, Điều 55 của Bộ luật hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo **Hoàng Xuân T** hình phạt **Tử hình** về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy” và **06 (sáu) năm tù** về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt, buộc Hoàng Xuân T phải chấp hành hình phạt C cho cả hai tội là **Tử hình**. Tiếp tục giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

2. Áp dụng điểm h khoản 4 Điều 194 của Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 40 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo **Nguyễn Hoàng V** hình phạt **Tử hình**. Tiếp tục giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Trong hạn 07 ngày kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, các bị cáo Hoàng Xuân T và Nguyễn Hoàng V có quyền được làm đơn gửi lên Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa V Nam để xin ân giảm hình phạt tử hình.

3. Áp dụng khoản 1 Điều 313 của Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo **Bùi Anh H 24 (hai mươi bốn) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án. Được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 15/11/2017 đến ngày 21/11/2017.

4. Các bị cáo Hoàng Xuân T, Nguyễn Hoàng V và Bùi Anh H, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao (Vụ 1);
- Cơ quan CSĐT- Bộ Công an;
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội;
- Cục THADS thành phố Hà Nội;
- Trại tạm giam T16 Bộ Công an;
- Các bị cáo (gửi qua trại giam);
- Bc Bùi Anh H (theo địa chỉ);
- Lưu HS vụ án, Phòng HCTP/2b.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Hồng Phúc